

Số: 458/QĐ-QLĐT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chuyên môn,
nghiệp vụ nhà giáo của trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Căn cứ quyết định số 662/QĐ-BGDĐT ngày 01/02/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai, phân cấp quản lý quy định nhiệm vụ của Hiệu Trưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05/04/2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai về quản lý và phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc UBND Tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-CDYT ngày 10/02/2020 của trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai về quy định chế độ làm việc của nhà giáo trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai;

Xét đề nghị của Phó trưởng phòng QLĐT-ĐBCL-HTQT.

QUYẾT ĐỊNH

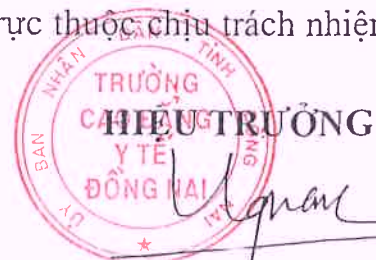
Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là Quy định đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng QLĐT-ĐBCL-HTQT, phòng HCTH, phòng CTCT-HSSV, Trưởng khoa và các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, QLĐT.



Nguyễn Hồng Quang

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN,
NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG NAI**
(Ban hành theo quyết định số 458/QĐ-CDYT, ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với giảng viên của trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai đã tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng.

Điều 2. Mục đích đánh giá, phân loại

1. Đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Lao động TB&XH ban hành, phản ánh đúng năng lực dạy học và giáo dục của nhà giáo được thực hiện định kỳ theo năm học.

2. Giúp cho nhà giáo tự đánh giá đúng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để chủ động lập kế hoạch tự bồi dưỡng hoặc tham dự các lớp đào tạo đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn theo qui định.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý viên chức trong việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ nhà giáo để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, phân loại

1. Đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo tính trung thực, khách quan, toàn diện, khoa học, dân chủ và công bằng.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ tiến hành cụ thể, chi tiết theo đúng qui định.

3. Kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ phải gắn với việc bố trí, sử dụng nhà giáo phù hợp với năng lực, trình độ và yêu cầu về vị trí việc làm.

CHƯƠNG II

CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

MỤC 1. CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (Chi tiết theo Phụ lục 1)

Tiểu mục 1. TIÊU CHÍ 1 VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN

Điều 4. Tiêu chuẩn 1 về Trình độ chuyên môn

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết
 - a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;
 - b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;
 - c) Có kiến thức về các môn học, mô-đun liên quan trong ngành, nghề;
 - d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp của ngành, nghề được phân công giảng dạy.
2. Đối với nhà giáo dạy thực hành
 - a) Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ trung cấp sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 2 hoặc chứng nhận bậc thợ 4/7, 3/6 hoặc chứng nhận nghề nhân ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc ưu tú trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc tương đương;
 - b) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;
 - c) Tổ chức được các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy;
 - d) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy.
3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp
 - a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ trung cấp sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 2 hoặc chứng nhận bậc thợ 4/7, 3/6 hoặc chứng nhận nghề nhân ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc ưu tú trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc tương đương;
 - b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;
 - c) Có kiến thức về môn học, mô-đun của ngành, nghề liên quan;
 - d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

e) Tổ chức được các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Điều 5. Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định.

Điều 6. Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định.

Tiểu mục 2. TIÊU CHÍ 2 VỀ NĂNG LỰC SỰ PHẠM

Điều 7. Tiêu chuẩn 1 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy

1. Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 2 hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ trung cấp hoặc tương đương trở lên.

2. Có thời gian tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng.

Điều 8. Tiêu chuẩn 2 về Chuẩn bị hoạt động giảng dạy

1. Lập được kế hoạch giảng dạy mô-đun, môn học được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học.

2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học.

3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.

4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết.

5. Tự làm một số thiết bị dạy học đơn giản để phục vụ giảng dạy.

6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Điều 9. Tiêu chuẩn 3 về Thực hiện hoạt động giảng dạy

1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung.

2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định.

3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động học tập, rèn luyện năng lực tự học của người học.

4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điều 10. Tiêu chuẩn 4 về Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.

2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Điều 11. Tiêu chuẩn 5 về Quản lý hồ sơ dạy học

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học.

2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định.

Điều 12. Tiêu chuẩn 6 về Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy

1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ trung cấp.

Điều 13. Tiêu chuẩn 7 về Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục

1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác.

2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng.

3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học.

4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục.

Điều 14. Tiêu chuẩn 8 về Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập

1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học.

2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác.

Điều 15. Tiêu chuẩn 9 về Hoạt động xã hội

1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng đồng viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học.

2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cộng đồng.

Tiểu mục 3. TIÊU CHÍ 3 VỀ NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 16. Tiêu chuẩn 1 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao

1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp.

2. Tham gia hội giảng các cấp.

3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

4. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.

Điều 17. Tiêu chuẩn 2 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học

1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp.

2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh giỏi các cấp.

Điều 18. Tiêu chuẩn 3 về Nghiên cứu khoa học

1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên.

MỤC 2. CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG (Chi tiết theo Phụ lục 1)

Tiểu mục 1. TIÊU CHÍ 1 VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN

Điều 19. Tiêu chuẩn 1 về Trình độ chuyên môn

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết

a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;

c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan;

d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

2. Đối với nhà giáo dạy thực hành

a) Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc

gia Bạc 3 hoặc chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghề nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương;

b) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

c) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy;

d) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp

a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bạc 3 hoặc chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghề nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương;

b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;

c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan;

d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

e) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Điều 20. Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định.

Điều 21. Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định.

Tiểu mục 2. TIÊU CHÍ 2 VỀ NĂNG LỰC SỰ PHẠM

Điều 22. Tiêu chuẩn 1 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy

1. Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương.

2. Có thời gian tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng.

Điều 23. Tiêu chuẩn 2 về Chuẩn bị hoạt động giảng dạy

1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học.

2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học.

3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.

4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết.

5. Tự làm các thiết bị dạy học đơn giản để phục vụ giảng dạy.

6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Điều 24. Tiêu chuẩn 3 về Thực hiện hoạt động giảng dạy

1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung.

2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định.

3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học.

4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điều 25. Tiêu chuẩn 4 về Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.

2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Điều 26. Tiêu chuẩn 5 về Quản lý hồ sơ dạy học

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học.

2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định.

Điều 27. Tiêu chuẩn 6 về Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy

1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp.

Điều 28. Tiêu chuẩn 7 về Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục

1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác.

2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng.

3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học.

4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục.

Điều 29. Tiêu chuẩn 8 về Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập

1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học.

2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác.

Điều 30. Tiêu chuẩn 9 về Hoạt động xã hội

1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng đồng viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội.

Tiểu mục 3. TIÊU CHÍ 3 VỀ NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 31. Tiêu chuẩn 1 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao

1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn.

2. Tham gia hội giảng các cấp.

3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

4. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.

Điều 32. Tiêu chuẩn 2 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học

1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp.

2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp.

Điều 33. Tiêu chuẩn 3 về Nghiên cứu khoa học

1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 34. Đánh giá và cách tính điểm đánh giá quy đổi

Đánh giá

- Đối với nhà giáo dạy lý thuyết, thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng:

Có 03 tiêu chí, 15 tiêu chuẩn, 40 chỉ số.

- Đối với nhà giáo dạy tích hợp trình độ trung cấp, cao đẳng: Có 03 tiêu chí, 15 tiêu chuẩn, 42 chỉ số.

Cách tính điểm đánh giá quy đổi

- Điểm đánh giá tối đa của mỗi chỉ số là 2,0 điểm. Hiệu trưởng quyết định việc cho điểm chi tiết từng chỉ số theo 3 mức: 0, 1, 2.

- Điểm đánh giá tối đa của tiêu chuẩn là tổng số điểm đánh giá tối đa của các chỉ số có trong tiêu chuẩn.

- Tổng số điểm đánh giá tối đa của nhà giáo là tổng số điểm đánh giá tối đa của các tiêu chuẩn đối với từng nhà giáo. Tổng số điểm đánh giá tối đa đối với nhà giáo dạy lý thuyết hoặc thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng là 80,0 điểm. Tổng số điểm đánh giá tối đa đối với nhà giáo dạy tích hợp trình độ trung cấp, cao đẳng là 84,0 điểm

- Công thức tính điểm đánh giá quy đổi theo thang điểm 100:

$$\text{Điểm quy đổi (lấy phần nguyên)} = \frac{\text{Tổng số điểm đánh giá đạt được} * 100}{\text{Tổng số điểm đánh giá tối đa}}$$

Điều 35. Xếp loại nhà giáo

Nhà giáo tham gia giảng dạy nhiều cấp trình độ đào tạo thì được đánh giá, xếp loại theo chuẩn của nhà giáo giảng dạy ở trình độ cao nhất.

Xếp loại nhà giáo được phân ra 2 loại: Không đạt chuẩn và Đạt chuẩn.

1. Nhà giáo không đạt chuẩn

Nhà giáo không đạt chuẩn thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Điểm quy đổi dưới 50 điểm.
- b) Điểm quy đổi từ 50 điểm trở lên nhưng điểm đánh giá của một trong các tiêu chuẩn đạt dưới 50% điểm đánh giá tối đa.
- c) Điểm quy đổi từ 50 điểm trở lên nhưng điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 hoặc điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 không đạt điểm đánh giá tối đa.

2. Nhà giáo đạt chuẩn

a) Nhà giáo đạt chuẩn loại A: Điểm quy đổi đạt từ 80 điểm trở lên và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 và điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

b) Nhà giáo đạt chuẩn loại B: Điểm quy đổi đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 và điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

c) Nhà giáo đạt chuẩn loại C: Điểm quy đổi đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1 và điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

Điều 36. Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo

Bước 1: Nhà giáo tự đánh giá, xếp loại (theo mẫu Phụ lục 01)

Bước 2: Tổ, bộ môn tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo (theo mẫu Phụ lục 01), tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của tổ, bộ môn (theo mẫu Phụ lục 02).

Bước 3: Hiệu trưởng tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo (theo mẫu Phụ lục 03)

Bước 4: Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học (theo mẫu Phụ lục 04).

Trong năm học, chỉ số đánh giá nào giảng viên không thực hiện, đánh giá 0 điểm.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo sau đánh giá, xếp loại hàng năm

Các Bộ môn chủ động lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhà giáo sau đánh giá, xếp loại hàng năm. Cụ thể quy định như sau:

- Đối với nhà giáo đạt chuẩn loại A và loại B: Đào tạo để đạt trình độ cao hơn, đối với nam < 55 tuổi; nữ < 50 tuổi.

Bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên đối với những nhà giáo quá tuổi quy định trên theo yêu cầu của Bộ môn để giữ vững ở mức đánh giá, xếp loại cao.

- Đối với nhà giáo đạt chuẩn loại C: Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đạt mức đánh giá, xếp loại cao hơn đối với nam < 55 tuổi; nữ < 50 tuổi.

- Đối với nhà giáo không đạt chuẩn: Nhà giáo bị xếp loại không đạt chuẩn theo đánh giá, xếp loại do có điểm đánh giá ở các tiêu chuẩn, tiêu chí không đạt yêu cầu theo quy định thì Bộ môn không bố trí giảng dạy; tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đề nghị bố trí công việc phù hợp.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Quy định thời gian tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm

Đánh giá, xếp loại nhà giáo được thực hiện theo năm học. Có kế hoạch cụ thể hàng năm.

2. Tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng các cấp

2.1. Cấp Khoa/Bộ môn

Các Khoa/Bộ môn: Căn cứ Hướng dẫn, Kế hoạch và Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo, các Khoa/Bộ môn có trách nhiệm phổ biến tới toàn thể giảng viên do Bộ môn quản lý chuyên môn và chủ động tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng trình tự, nội dung, thời gian quy định.

Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm do Khoa/bộ môn đề xuất và Hiệu trưởng quyết định. Số lượng từ 3- 5 người, gồm: Chủ tịch; Thư ký và các Ủy viên tham gia hội đồng.

Nhiệm vụ: Chủ động xây dựng kế hoạch và đôn đốc tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm ở cấp bộ môn quản lý theo đúng hướng dẫn và quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan và chính xác.

Tổng hợp và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm về Phòng QLĐT theo đúng mẫu biểu và thời gian quy định.

2.2. Cấp trường

Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo do Hiệu trưởng quyết định (Quyết định thành lập Hội đồng 1 lần và có bổ sung hàng năm nếu cần), gồm: Chủ tịch; Thư ký; các Ủy viên tham gia hội đồng.

Nhiệm vụ Hội đồng cấp trường: Tổ chức xét và công nhận kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm do Hội đồng cấp bộ môn báo cáo lên, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác.

Phòng QLĐT:

+ Soạn thảo, trình phê duyệt ban hành các quyết định thành lập hội đồng các cấp; ban hành các biểu mẫu đánh giá, mẫu biên bản, mẫu báo cáo... thống nhất dùng chung cho hội đồng đánh giá các cấp trong trường. Thường trực và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đánh giá, xếp loại nhà giáo.

+ Lưu trữ hồ sơ, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhà giáo hàng năm của các bộ môn.

Điều 39. Công nhận tương đương

Các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận trình độ kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm được công nhận tương đương với các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận trình độ kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm quy định tại Thông tư này do Bộ chuyên ngành quy định sau khi có sự thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Quy định này gồm 4 chương, 40 điều và được thực hiện từ năm học 2020 - 2021. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc góp ý các đơn vị phản ánh về Phòng QLĐT để tổng hợp, báo cáo, bổ sung và hoàn thiện kịp thời. Quy định này thay thế cho Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDYT ngày 31/12/2019.

Các ông (bà) trưởng phòng QLĐT – ĐBCL – HTQT, phòng CTCT HSSV, phòng HCTH, khoa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. /

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 458 ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai)

PHỤ LỤC 01

TÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TÊN KHOA, TỔ BỘ MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO

Năm học:

Họ và tên:

Khoa, tổ bộ môn:

Cấp trình độ giảng dạy:

Nhiệm vụ được phân công giảng dạy (Lý thuyết, thực hành, tích hợp):

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
TIÊU CHÍ 1 VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN	12-16					
Tiêu chuẩn 1 về Trình độ chuyên môn	8-12					
1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết	8					
a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy						
b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy						
c) Có kiến thức về các môn học, mô-đun liên quan trong ngành, nghề						

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp của ngành, nghề được phân công giảng dạy						
2. Đối với nhà giáo dạy thực hành	8					
a) Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 b) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy c) Tổ chức được các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy d) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy						
3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp	12					
a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề được quy định trong Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy c) Có kiến thức về môn học, mô-đun của ngành, nghề liên quan d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy						

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
đ) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy e) Tổ chức được các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy						
Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ	2					
Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định						
Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học	2					
Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định						
TIÊU CHÍ 2 VỀ NĂNG LỰC SỰ PHẠM	52					
Tiêu chuẩn 1 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy	4					
1. Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ trung cấp hoặc tương đương trở lên 2. Có thời gian tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng						
Tiêu chuẩn 2 về Chuẩn bị hoạt động giảng dạy	12					

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
<p>1. Lập được kế hoạch giảng dạy mô-đun, môn học được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học</p> <p>2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học</p> <p>3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy</p> <p>4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết</p> <p>5. Tự làm một số thiết bị dạy học đơn giản để phục vụ giảng dạy</p> <p>6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy</p>						
Tiêu chuẩn 3 về Thực hiện hoạt động giảng dạy	8					
<p>1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung</p> <p>2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định</p> <p>3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động học tập, rèn luyện năng lực tự học của người học</p>						

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp						
Tiêu chuẩn 4 về Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học	4					
1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy 2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học						
Tiêu chuẩn 5 về Quản lý hồ sơ dạy học	4					
1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học 2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định						
Tiêu chuẩn 6 về Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy	4					
1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp 2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ trung cấp						
Tiêu chuẩn 7 về Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục	8					

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
<p>1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác</p> <p>2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng</p> <p>3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học</p> <p>4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục</p>						
Tiêu chuẩn 8 về Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập	4					
<p>1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học</p> <p>2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác</p>						
Tiêu chuẩn 9 về Hoạt động xã hội	4					
<p>1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng đồng viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học</p> <p>2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với</p>						

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cộng đồng						
TIÊU CHÍ 3 VỀ NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	16					
Tiêu chuẩn 1 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao	8					
1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp 2. Tham gia hội giảng các cấp 3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp 4. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp						
Tiêu chuẩn 2 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học	4					
1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp 2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh giỏi các cấp						
Tiêu chuẩn 3 về Nghiên cứu khoa học	4					
1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ 2. Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên						
Tổng số điểm đánh giá - Nhà giáo dạy lý thuyết	80					

Các tiêu chí và tiêu chuẩn	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại			Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại		
	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Tỷ lệ % của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn (lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)	Các minh chứng
- Nhà giáo dạy thực hành	80					
- Nhà giáo dạy tích hợp	84					
Điểm quy đổi						
Xếp loại						

....., ngày..... tháng.....
năm.....

Nhà giáo tự đánh giá
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo khoa, tổ bộ môn
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 03

**TÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO CỦA CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

STT	Họ và tên nhà giáo	Cấp trình độ giảng dạy			Nhiệm vụ giảng dạy			Tự đánh giá, xếp loại của nhà giáo	Đánh giá, xếp loại nhà giáo của Khoa, tổ bộ môn	Đánh giá, xếp loại nhà giáo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp
		Sơ cấp (x)	Trung cấp (x)	Cao đẳng (x)	Dạy lý thuyết (x)	Dạy thực hành (x)	Dạy tích hợp (x)			
I	Khoa									
II	Tổ bộ môn....									

....., ngày..... tháng..... năm.....

HIỆU TRƯỞNG, GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)

TÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Số:/BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NHÀ GIÁO VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Năm học:

Kính gửi:

I. Thông tin chung về cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Tên cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:; fax:; email:

II. Báo cáo xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ *(chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

Tổng số nhà giáo là: Trong đó:

- Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:; Loại B:; Loại C:

- Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:

III. Các giải pháp về động viên, khuyến khích nhà giáo đạt chuẩn loại A, B (nếu có)

.....
.....
.....

IV. Các giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo (nếu có)

.....
.....

....., ngày tháng năm.....

HIỆU TRƯỞNG, GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

